

Số: **5024**/QĐ-ĐCT

Hà Nội, ngày **18** tháng **09** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế bầu cử
trong hệ thống Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

ĐOÀN CHỦ TỊCH TRUNG ƯƠNG HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

- Căn cứ Chỉ thị số 46/CT- TW ngày 28/7/2020 của Ban Bí thư về lãnh đạo Đại hội đại biểu Phụ nữ các cấp và Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII nhiệm kỳ 2022-2027;

- Căn cứ Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam khóa XII, nhiệm kỳ 2017 - 2022;

- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế bầu cử trong hệ thống Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thay thế Quy chế bầu cử trong hệ thống Hội LHPN Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 165/QĐ-ĐCT của Đoàn Chủ tịch ngày 01/04/2016.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và các ban, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Quy chế. Ban Tổ chức Trung ương Hội chủ trì, phối hợp với các ban, đơn vị có liên quan hướng dẫn thực hiện, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quy chế. /.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Ban Tổ chức TW;
- Ban Dân vận TW;
- Đảng ủy CATW, Tổng cục Chính trị (BQP);
- Thường trực các tỉnh/thành ủy;
- Ủy viên BCH TW Hội;
- Hội LHPN tỉnh, thành, đơn vị;
- Các tổ chức thành viên;
- Các ban, đơn vị cơ quan TW Hội;
- Lưu: VT, TC.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

Hà Thị Nga



QUY CHẾ

Bầu cử trong hệ thống Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5024 /QĐ - ĐCT ngày 18 tháng 9 năm 2020
của Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này được áp dụng đối với việc bầu cử trong tổ chức Hội từ cấp cơ sở đến cấp Trung ương. Việc bầu cử của tổ chức Hội trong lực lượng vũ trang được thực hiện theo hướng dẫn của Hội Phụ nữ Bộ Công an và Ban Phụ nữ Quân đội.

Điều 2. Nguyên tắc bầu cử

Việc bầu cử trong tổ chức Hội thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, bình đẳng, trực tiếp, đa số quá bán.

Điều 3. Hình thức bầu cử

1. Có hai hình thức bầu cử có giá trị như nhau: Biểu quyết giơ tay (có thể sử dụng thẻ hội viên hoặc thẻ đại biểu để biểu quyết) hoặc bỏ phiếu kín. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, có thể sử dụng hình thức khác để biểu quyết nhưng phải được sự đồng ý của cấp ủy cùng cấp và Hội cấp trên trực tiếp. Lựa chọn hình thức nào do đại hội/hội nghị quyết định để phù hợp với tình hình thực tế, trừ một số trường hợp được quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Những trường hợp được thực hiện bằng biểu quyết giơ tay (giơ thẻ):

- a) Bầu Đoàn Chủ tịch;
- b) Bầu Đoàn thư ký;
- c) Bầu Chủ tọa hội nghị;
- d) Bầu Tổ bầu cử/Ban bầu cử;
- e) Bầu Ban thẩm tra tư cách đại biểu;
- f) Xin ý kiến về các ứng cử viên để đưa vào danh sách bầu cử;
- g) Thông qua Đề án nhân sự.

Chương II

ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ, BẦU CỬ, DANH SÁCH BẦU CỬ VÀ PHIẾU BẦU

Điều 4. Ứng cử

1. Ứng cử Ban Chấp hành:

a) Đối tượng ứng cử: Tất cả phụ nữ Việt Nam đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

b) Thủ tục ứng cử tại đại hội:

- Đại biểu chính thức có mặt tại đại hội: ứng cử trực tiếp hoặc gửi đơn đến Đoàn Chủ tịch đại hội. Nếu không phải là đại biểu đại hội thì chậm nhất là 15 ngày làm việc trước ngày khai mạc đại hội phải hoàn chỉnh hồ sơ ứng cử nộp Ban Chấp hành cấp triệu tập đại hội.

- Hồ sơ ứng cử gồm có:

+ Đơn ứng cử;

+ Bản khai lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi công tác;

2. Ứng cử Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ:

Đối tượng ứng cử: là ủy viên Ban Chấp hành cùng cấp.

3. Ứng cử chức danh Chủ tịch và Phó Chủ tịch:

Đối tượng ứng cử là ủy viên Đoàn Chủ tịch (đối với cấp Trung ương) và ủy viên Ban Thường vụ (đối với cấp tỉnh, huyện, cơ sở).

4. Ứng cử đại biểu đi dự đại hội phụ nữ cấp trên trực tiếp: Đối tượng ứng cử là đại biểu chính thức có mặt tại đại hội.

5. Trường hợp người ứng cử là đảng viên phải thực hiện theo Quy định số 47-QĐ/TW ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm: *“không được tự ứng cử khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền cho phép”*.

Điều 5. Đề cử

1. Đề cử được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Đoàn Chủ tịch đại hội báo cáo danh sách giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành khóa mới do Ban Chấp hành khóa đương nhiệm chuẩn bị.

Đối với Hội nghị Ban Chấp hành, Chủ tọa Hội nghị báo cáo danh sách giới thiệu Ban Thường vụ do Ban Chấp hành khóa đương nhiệm chuẩn bị (bằng văn bản) và thông báo ý kiến giới thiệu của cấp ủy đảng, Hội cấp trên trực tiếp đối với các chức danh chủ chốt.

b) Đại biểu chính thức tại đại hội/hội nghị đề cử người đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định để được xem xét, bầu vào Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các chức danh chủ chốt và đại biểu đi dự đại hội đại biểu phụ nữ cấp trên .

2. Thủ tục đề cử tại đại hội:

Đại biểu chính thức thực hiện đề cử trực tiếp hoặc bằng văn bản gửi Đoàn Chủ tịch đại hội. Nếu người không phải là đại biểu của đại hội đề cử thì phải báo cáo Đoàn Chủ tịch đại hội (bằng văn bản) về sơ yếu lý lịch, tư cách của người mà mình đề cử (có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác) và phải được sự đồng ý của người được đề cử.

3. Người đề cử và người được đề cử ngoài danh sách Ban Chấp hành cấp triệu tập chuẩn bị là đảng viên phải thực hiện theo Quy định số 47-QĐ/TW ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm: *“không được đề cử và nhận đề cử khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền cho phép”*.

Tại đại hội/ hội nghị, người đề cử nhân sự tham gia Ban Chấp hành phải chịu trách nhiệm trước đại hội/ hội nghị về tiêu chuẩn, điều kiện tham gia Ban Chấp hành của người mà mình đề cử. Sau đại hội/hội nghị, nếu xác minh người được đề cử không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định thì tùy theo mức độ vi phạm, người đề cử sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của Đảng và tổ chức Hội.

Điều 6. Quyền bầu cử

Chỉ có đại biểu chính thức của đại hội/hội nghị mới có quyền bầu cử.

Điều 7. Quy định về số dư và danh sách bầu cử

1. Danh sách bầu cử: gồm những người ứng cử, những người được đề cử đã được đại hội/hội nghị biểu quyết thông qua.

2. Số lượng ứng cử viên trong danh sách bầu cử bằng hoặc nhiều hơn số lượng cần bầu do đại hội/hội nghị quyết định. Nếu nhiều hơn thì số lượng không quá 15% so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành được đại hội biểu quyết thông qua và không quá 25% so với số lượng ủy viên Ban Thường vụ được bầu. Trường hợp cần bầu lấy số lượng một người thì danh sách bầu cử là hai người. Trong trường hợp này, cấp triệu tập đại hội/ hội nghị chỉ nên lựa chọn giới thiệu một người; trường hợp cần bầu lấy số lượng hai người thì danh sách bầu cử tối đa ba người. Danh sách bầu cử do Ban Chấp hành cấp triệu tập chuẩn bị là danh sách không có số dư.

Trường hợp cấp triệu tập đại hội/hội nghị đề cử một người và tại đại hội/hội nghị có người ứng cử, được đề cử thêm vượt quá hai người thì đoàn chủ tịch biểu quyết giơ tay hoặc lấy phiếu xin ý kiến đại hội/hội nghị về người ứng cử, được đề cử thêm tại đại hội/hội nghị để lựa chọn nhân sự lập danh sách bầu cử tối đa là hai người.

3. Danh sách bầu cử được xếp thứ tự theo vần A, B, C..., nếu có nhiều người trùng tên thì xếp theo họ, nếu trùng cả họ thì xếp theo tên đệm, nếu cả 3 dữ kiện trên đều trùng thì người có tuổi đời cao hơn được xếp lên trên.

4. Biểu quyết một lần cả danh sách hoặc biểu quyết từng người trong danh sách do đại hội/hội nghị quyết định.

Điều 8. Phiếu bầu hợp lệ và không hợp lệ

1. Đối với hình thức bầu bằng biểu quyết giơ tay (giơ thẻ):

a) Biểu quyết chỉ hợp lệ khi người bầu giơ tay (giơ thẻ) một lần trong trường hợp bầu một lần cả danh sách hoặc giơ tay (giơ thẻ) một lần cho mỗi người trong danh sách trong trường hợp biểu quyết bầu từng người.

b) Biểu quyết không hợp lệ khi người bầu giơ cả hai tay; giơ tay nhiều lần (trong trường hợp bầu từng người trong danh sách); không bầu ai trong danh sách bầu cử (đối với trường hợp danh sách có từ hai người trở lên).

2. Đối với bầu bằng bỏ phiếu kín:

a) Phiếu được in họ tên những người trong danh sách bầu cử đã được đại hội/hội nghị thông qua, có đóng dấu của Ban Chấp hành cấp triệu tập ở góc trên bên trái phiếu bầu.

b) Phiếu hợp lệ là phiếu do Tổ/Ban bầu cử phát ra, phiếu bầu đủ hoặc thiếu số lượng cần bầu. Trường hợp danh sách bầu cử chỉ có một người, nếu người bầu không đồng ý thì phiếu bầu đó vẫn là phiếu hợp lệ.

c) Phiếu không hợp lệ: Là phiếu không do Tổ/Ban bầu cử phát ra; phiếu bầu nhiều hơn số lượng quy định; phiếu không bầu cho ai trong danh sách bầu (đối với trường hợp danh sách bầu từ hai người trở lên); phiếu gạch giữa 2 tên ứng cử viên; phiếu ký tên người bầu hoặc có dấu hiệu đánh dấu khác (dùng nhiều loại mực, dùng mực đỏ...).

Chương III

NHIỆM VỤ CƠ QUAN PHỤ TRÁCH VIỆC CHUẨN BỊ VÀ TIẾN HÀNH BẦU CỬ

Điều 9. Nhiệm vụ của Ban Chấp hành cấp triệu tập đại hội

1. Chuẩn bị đề án nhân sự đại biểu đại hội, nhân sự Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch để giới thiệu với đại hội và Ban Chấp hành mới được bầu tại kỳ họp thứ nhất.

2. Quyết định số lượng đại biểu và phân bổ đại biểu đi dự đại hội.

3. Cung cấp tài liệu cho Ban Thẩm tra tư cách đại biểu về tình hình, kết quả bầu cử đại biểu và những vấn đề liên quan đến tư cách đại biểu.

4. Cung cấp tài liệu cho Đoàn Chủ tịch để trả lời các vấn đề do đại biểu đại hội yêu cầu liên quan đến các ứng cử viên.

5. Chuẩn bị tài liệu phục vụ Ban Chấp hành khoá mới để bầu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các chức danh chủ chốt trong phiên họp lần thứ nhất.

Điều 10. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký và Tổ/Ban bầu cử đại hội

1. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch đại hội

a) Điều hành việc bầu cử.

b) Hướng dẫn đề đại hội thảo luận, quán triệt tiêu chuẩn nhân sự Ban Chấp hành, số lượng, cơ cấu; tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu đại biểu dự đại hội cấp trên.

c) Đề cử danh sách nhân sự do cấp triệu tập đại hội chuẩn bị. Hướng dẫn việc ứng cử, đề cử.

d) Tổng hợp danh sách những người ứng cử, được đề cử; đề xuất những trường hợp được rút và không được rút khỏi danh sách bầu cử, báo cáo đại hội xem xét, quyết định.

e) Lấy phiếu xin ý kiến của đại hội đối với những người ứng cử, được đề cử. Lập danh sách bầu cử, lấy biểu quyết của đại hội/hội nghị thông qua số lượng và danh sách bầu cử.

f) Giới thiệu danh sách Tổ/Ban bầu cử, Tổ trưởng/Trưởng Ban bầu cử để đại hội biểu quyết. Chỉ đạo hoạt động của Tổ/Ban bầu cử, phổ biến quy tắc, thủ tục bầu cử trong đại hội.

g) Giải đáp những ý kiến của đại biểu về nhân sự trong quá trình chuẩn bị bầu cử.

2. Nhiệm vụ của Đoàn thư ký đại hội

a) Ghi biên bản tổng hợp ý kiến thảo luận, dự thảo các văn bản kết luận, nghị quyết của Đoàn Chủ tịch, của đại hội liên quan đến bầu cử.

b) Giúp Đoàn Chủ tịch tổng hợp kết quả ứng cử, đề cử phục vụ cho việc lập danh sách bầu cử trước khi đại hội bầu Tổ/Ban bầu cử.

c) Quản lý và phát tài liệu, ấn phẩm của đại hội theo sự chỉ đạo của Đoàn Chủ tịch. Thu nhận, bảo quản và gửi đến Ban Chấp hành khóa mới đầy đủ hồ sơ, tài liệu, ấn phẩm của đại hội.

3. Nhiệm vụ của Tổ/Ban bầu cử đại hội

a) Tổ/Ban bầu cử là những đại biểu chính thức của đại hội, không có tên trong danh sách bầu cử và do Đoàn Chủ tịch đại hội đề xuất, giới thiệu để đại hội bầu.

Số lượng Tổ/Ban bầu cử ở đại hội các cấp do Đoàn Chủ tịch đại hội lựa chọn, giới thiệu; đại hội biểu quyết thông qua.

b) Tổ/Ban bầu cử có nhiệm vụ:

- Chuẩn bị phiếu bầu, hòm phiếu (nếu bầu bằng bỏ phiếu kín);
- Hướng dẫn cách thức và tổ chức thực hiện bầu cử bằng hình thức bầu đã được đại hội biểu quyết thông qua; hỗ trợ, giám sát các đại biểu không biết chữ điền phiếu trong trường hợp bỏ phiếu kín hoặc hỗ trợ các đại biểu không có đủ điều kiện thực hiện biểu quyết giơ tay (hoặc giơ thẻ).

- Kiểm phiếu (nếu bầu bằng bỏ phiếu kín) hoặc bầu bằng biểu quyết giơ tay (giơ thẻ) thì đếm số người được bầu trên tổng số người theo danh sách bầu cử; phát hiện người giơ tay (giơ thẻ) không hợp lệ;

- Xem xét và kết luận các phiếu không hợp lệ và những ý kiến khiếu nại về việc bầu cử;

- Lập biên bản bầu cử, công bố kết quả bầu cử, niêm phong phiếu bầu (nếu bầu bằng bỏ phiếu) và chuyển cho Đoàn Chủ tịch đại hội;

- Trình bày dự thảo biên bản bầu cử để Đoàn Chủ tịch điều hành đại hội biểu quyết thông qua.

Nếu kiểm phiếu bằng máy vi tính, Tổ/Ban bầu cử được sử dụng một số nhân viên kỹ thuật không phải là đại biểu đại hội.

Ngoài Tổ/Ban bầu cử và nhân viên kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu, không ai được đến nơi ban bầu cử đang làm việc.

4. Áp dụng đối với việc bầu cử không phải tại đại hội

Các tổ chức phụ trách việc bầu cử ở các hội nghị khác được áp dụng theo các quy định trên.

Chương IV

BẦU CÁC CƠ QUAN, CHỨC DANH LÃNH ĐẠO CỦA HỘI

Điều 11. Bầu Ban Chấp hành tại đại hội

1. Đoàn Chủ tịch đại hội báo cáo Đề án nhân sự Ban Chấp hành khoá mới do Ban Chấp hành khóa đương nhiệm chuẩn bị.

2. Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua Đề án Ban Chấp hành khóa mới.

3. Đoàn Chủ tịch báo cáo Đại hội về danh sách giới thiệu nhân sự cụ thể do Ban Chấp hành khóa đương nhiệm chuẩn bị.

4. Đại biểu ứng cử, đề cử Ban Chấp hành khóa mới ngoài danh sách do Ban Chấp hành khóa đương nhiệm chuẩn bị.

5. Đoàn Chủ tịch điều hành việc cho rút ứng cử, đề cử và xin ý kiến đại hội về những trường hợp đại biểu không tự nguyện xin rút (nếu có).

6. Đoàn Chủ tịch đại hội báo cáo kết quả ứng cử, đề cử, bao gồm:

- a) Danh sách nhân sự do Ban Chấp hành khóa đương nhiệm giới thiệu.
- b) Danh sách nhân sự ứng cử, nhân sự được đề cử ngoài danh sách giới thiệu của Ban Chấp hành đương nhiệm.
- c) Danh sách nhân sự ứng cử hoặc đề cử đã tự nguyện rút và được đại hội cho rút.

7. Đại hội biểu quyết chốt danh sách bầu cử Ban Chấp hành.

8. Đại hội biểu quyết về hình thức bầu cử.

9. Đại hội bầu Tổ/Ban bầu cử:

a) Đoàn Chủ tịch đại hội giới thiệu số lượng, nhân sự dự kiến, xin ý kiến đại hội.

b) Đại hội biểu quyết về số lượng, sau đó mới biểu quyết chốt danh sách Tổ/Ban bầu cử.

c) Nhiệm vụ của Tổ/Ban bầu cử được quy định tại Khoản 3, Điều 10 của quy chế này.

10. Tổ/Ban bầu cử hướng dẫn cách thức và tổ chức bầu Ban Chấp hành. Bầu lần thứ nhất chưa đủ số lượng, có bầu tiếp hay không bầu nữa do đại hội quyết định.

11. Tổ/Ban bầu cử trình bày dự thảo Biên bản bầu cử.

12. Đoàn Chủ tịch đại hội điều hành biểu quyết thông qua Biên bản bầu cử.

Điều 12. Bầu Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch tại kỳ họp thứ nhất của Ban Chấp hành

Hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành khóa mới do đồng chí Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch khóa trước tái cử hoặc đồng chí được Hội cấp trên giao nhiệm vụ (trong trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch không tái cử) làm triệu tập viên, khai mạc, chủ trì và trình chuẩn y nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các chức danh chủ chốt.

1. Bầu Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ:

a) Chủ tọa hội nghị báo cáo Ban Chấp hành về Đề án nhân sự Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ do Ban Chấp hành cấp triệu tập chuẩn bị.

b) Ban Chấp hành thảo luận và biểu quyết thông qua Đề án Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ khoá mới.

c) Chủ tọa hội nghị báo cáo danh sách nhân sự dự kiến đề bầu vào Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ khoá mới do Ban Chấp hành cấp triệu tập chuẩn bị.

d) Ban Chấp hành thảo luận về danh sách nhân sự và thực hiện ứng cử, đề cử.

e) Ban Chấp hành biểu quyết chốt danh sách bầu.

f) Ban Chấp hành biểu quyết hình thức bầu cử.

g) Bầu Tổ/Ban bầu cử (thực hiện tương tự như bầu Ban Chấp hành).

h) Tổ/Ban bầu cử thực hiện quy trình bầu cử và trình bày dự thảo biên bản bầu cử Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ.

i) Chủ tọa hội nghị điều hành biểu quyết thông qua biên bản bầu cử.

k) Nếu bầu lần một chưa đủ số lượng uỷ viên Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ, có bầu tiếp hay không do Ban Chấp hành xem xét, quyết định.

2. Bầu Chủ tịch:

a) Chủ tọa hội nghị báo cáo Đề án nhân sự Chủ tịch, thông báo ý kiến giới thiệu của cấp uỷ và Hội cấp trên trực tiếp.

b) Ban Chấp hành thảo luận về nhân sự do cấp uỷ và Hội cấp trên giới thiệu sau đó đại biểu ứng cử, đề cử.

c) Ban Chấp hành thảo luận về danh sách bầu và biểu quyết chốt danh sách.

d) Ban Chấp hành cho ý kiến về hình thức bầu cử và bầu Tổ/Ban bầu cử (có thể sử dụng Tổ/Ban bầu cử của hội nghị bầu Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ).

e) Tổ/Ban bầu cử hướng dẫn cách thức, tổ chức bầu cử và trình bày dự thảo biên bản bầu cử.

f) Chủ tọa Hội nghị điều hành biểu quyết thông qua biên bản bầu cử.

3. Bầu Phó Chủ tịch:

a) Chủ tọa hội nghị báo cáo Đề án nhân sự các Phó Chủ tịch, thông báo ý kiến giới thiệu của cấp uỷ và Hội cấp trên trực tiếp.

b) Ban Chấp hành thảo luận về nhân sự do cấp uỷ và Hội cấp trên giới thiệu sau đó đại biểu ứng cử, đề cử.

c) Ban Chấp hành thảo luận về danh sách bầu cử và biểu quyết chốt danh sách.

d) Ban Chấp hành cho ý kiến về hình thức bầu cử và bầu Tổ/Ban bầu cử (có thể sử dụng Tổ/Ban bầu cử của hội nghị bầu Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ).

e) Tổ/Ban bầu cử hướng dẫn cách thức và tổ chức bầu cử; trình bày dự thảo biên bản bầu cử.

f) Chủ tọa Hội nghị điều hành biểu quyết thông qua biên bản bầu cử.

Điều 13. Bầu bổ sung Uỷ viên Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ, bầu kiện toàn Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Đại diện Ban Chấp hành báo cáo về Đề án kiện toàn Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch/ Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch.

2. Chủ trì hội nghị báo cáo danh sách nhân sự (đã được giới thiệu theo quy trình) để bầu bổ sung vào Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch.

3. Hội nghị tiến hành thảo luận và thực hiện bầu cử theo quy định.

Chương V

BẦU ĐẠI BIỂU DỰ ĐẠI HỘI CẤP TRÊN

Điều 14. Bầu đại biểu dự đại hội cấp trên

1. Ban Chấp hành cấp triệu tập đại hội chuẩn bị Đề án đại biểu dự đại hội cấp trên theo quyết định phân bổ đại biểu của Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ cấp trên trực tiếp. Đại hội/hội nghị không được bầu quá số lượng quy định. Trường hợp bầu thiếu phải được đa số đại biểu biểu quyết tán thành và báo cáo với Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ Hội LHPN cấp trên trực tiếp (thông qua đại biểu đại diện Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ có mặt tại đại hội hoặc xin ý kiến qua điện thoại).

2. Tiêu chuẩn đại biểu: Là đại biểu chính thức có mặt tại đại hội; tiêu biểu cho phong trào phụ nữ và công tác Hội, có uy tín, có khả năng đóng góp vào những quyết định của đại hội và tuyên truyền kết quả của đại hội.

3. Quy trình bầu đại biểu dự đại hội cấp trên:

a) Đoàn Chủ tịch đại hội đọc quyết định phân bổ đại biểu dự đại hội của Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ Hội cấp trên trực tiếp và báo cáo Đề án bầu đại biểu dự đại hội đại biểu phụ nữ cấp trên.

b) Đại hội thảo luận, biểu quyết về cơ cấu đại biểu cụ thể trên cơ sở cơ cấu định hướng của Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ cấp trên trực tiếp.

c) Đoàn Chủ tịch đại hội báo cáo danh sách giới thiệu Đoàn đại biểu do Ban Chấp hành khóa đương nhiệm chuẩn bị.

d) Đại hội thảo luận và tiến hành ứng cử, đề cử ngoài danh sách Ban Chấp hành khóa đương nhiệm chuẩn bị.

e) Đoàn Chủ tịch báo cáo tổng hợp danh sách đại biểu ứng cử, đề cử; cho rút đối với đại biểu tự nguyện xin rút và trình xin ý kiến đại hội đối với đại biểu không tự nguyện xin rút.

f) Đại hội biểu quyết chốt danh sách bầu đại biểu dự đại hội phụ nữ cấp trên.

g) Đại hội biểu quyết hình thức bầu cử.

h) Đại hội bầu Tổ/Ban bầu cử.

i) Tổ/Ban bầu cử hướng dẫn cách thức và tổ chức bầu theo Đề án đã được đại hội thông qua. Bầu đại biểu chính thức trước, sau đó bầu đại biểu dự khuyết theo số lượng quy định. Quy trình bầu được thực hiện như bầu đại biểu chính thức.

Điều 15. Thay thế đại biểu

1. Đại biểu chính thức do đại hội/hội nghị cấp dưới bầu mà không thể tham dự suốt thời gian đại hội/hội nghị thì cấp triệu tập đại hội/hội nghị cử đại biểu dự khuyết thay thế.

Đại biểu chính thức sau khi được bầu đã chuyển công tác ra ngoài cấp triệu tập đại hội thì cấp triệu tập đó được cử đại biểu dự khuyết thay thế.

Đại biểu chính thức vắng mặt thời gian đầu đại hội/hội nghị, đã có đại biểu dự khuyết thay thế, nhưng thời gian cuối có điều kiện tham dự đại hội/hội nghị, nếu được đoàn chủ tịch đại hội/hội nghị đồng ý mời dự thì được dự theo tư cách đại biểu mời.

Ban Thường vụ cấp có đại biểu dự khuyết làm tờ trình đề nghị chuyển thành đại biểu chính thức kèm theo danh sách trích ngang của đại biểu đề nghị thay thế tới Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ cấp triệu tập đại hội để xem xét và trả lời bằng văn bản.

2. Những trường hợp không được thay thế đại biểu:

a) Đại biểu là ủy viên Ban Chấp hành đương nhiệm.

b) Đại biểu chính thức bị bác tư cách, gồm: đại biểu bị kỉ luật từ cảnh cáo trở lên đang trong thời gian thi hành; đại biểu đang bị cơ quan pháp luật khởi tố, truy tố; đại biểu được bầu không đúng quy định; đại biểu vi phạm nội quy đại hội gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến uy tín của Hội.

c) Đại biểu sau khi được bầu đã chuyển công tác nhưng vẫn sinh hoạt tại đơn vị trực thuộc tổ chức Hội cấp triệu tập đại hội. Đại biểu này sẽ sinh hoạt trong Đoàn đại biểu của tổ chức Hội nơi chuyển công tác đến.

3. Những trường hợp không triệu tập dự đại hội/hội nghị:

Những đại biểu mà trước thời điểm khai mạc đại hội/hội nghị bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên đang trong thời gian thi hành; đại biểu là đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ; đại biểu bị khởi tố bị can, bị truy tố; đại biểu được bầu nhưng không đúng nguyên tắc, thủ tục bầu cử.

Chương VI

TÍNH KẾT QUẢ VÀ CHUẨN Y KẾT QUẢ BẦU CỬ

Điều 16. Tính kết quả bầu cử

1. Kết quả bầu cử chỉ được công nhận khi đại hội/hội nghị có ít nhất 2/3 số đại biểu được triệu tập tham dự.

2. Người trúng cử phải đạt số phiếu bầu hợp lệ của trên 50% đại biểu so với tổng số đại biểu được triệu tập dự đại hội/hội nghị:

a) Đối với đại hội đại biểu: Kết quả bầu cử được tính trên số đại biểu triệu tập trừ đi số đại biểu vắng mặt trong suốt thời gian đại hội mà không có đại biểu dự khuyết thay thế và đại biểu bị bác tư cách.

b) Ở các hội nghị của Ban Chấp hành: Kết quả bầu cử tính trên tổng số ủy viên Ban Chấp hành trừ đi số ủy viên đang bị khởi tố, truy tố, tạm giam.

3. Trường hợp số người đạt số phiếu bầu quá một nửa nhiều hơn số lượng cần bầu thì những người trúng cử là những người có số phiếu cao hơn.

4. Nếu cuối danh sách trúng cử có nhiều người bằng phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu thì Chủ tịch hoặc Đoàn Chủ tịch đại hội/hội nghị lập danh sách những người ngang phiếu nhau đó để đại hội/hội nghị bầu lại và lấy người có số phiếu cao hơn, không cần phải quá một nửa. Trường hợp bầu lại mà số phiếu vẫn bằng nhau, có bầu tiếp hay không do đại hội/hội nghị quyết định.

Điều 17. Biên bản bầu cử

1. Biên bản bầu cử lập thành 03 bản, có chữ ký của người thay mặt Đoàn Chủ tịch đại hội/chủ tọa hội nghị Ban Chấp hành và Tổ trưởng Tổ bầu cử/Trưởng Ban bầu cử.

2. Đoàn Chủ tịch đại hội/Chủ tọa Hội nghị giao cho Ban Chấp hành khóa mới biên bản bầu cử và phiếu bầu để báo cáo Đoàn Chủ tịch hoặc Ban Thường vụ Hội cấp trên trực tiếp xem xét, chuẩn y.

3. Tổ/Ban bầu cử niêm phong phiếu bầu (nếu bầu bằng bỏ phiếu kín) để Đoàn Chủ tịch đại hội/Chủ tọa hội nghị giao cho Ban Chấp hành khóa mới lưu trữ trong thời gian 6 tháng. Quá 6 tháng, nếu không có khiếu nại, tố cáo về kết quả bầu cử, Đoàn Chủ tịch/ Ban Thường vụ cấp triệu tập quyết định cho hủy số phiếu đó.

Điều 18. Chuẩn y kết quả bầu cử Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Chậm nhất 10 ngày làm việc sau đại hội/hội nghị, Ban Thường vụ gửi Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ Hội cấp trên trực tiếp biên bản bầu cử Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch kèm danh sách trích ngang và Tờ trình đề nghị chuẩn y kết quả bầu cử. Đối với Hội nghị Ban chấp hành lần thứ nhất, tờ trình đề nghị chuẩn y kết quả bầu cử do Chủ tọa hội nghị kỳ họp thứ nhất của Ban Chấp hành ký và được sử dụng dấu của Ban Chấp hành Hội LHPN tỉnh/huyện/xã.

2. Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Hội cấp dưới về kết quả bầu cử, Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ Hội cấp trên trực tiếp chuẩn y các chức vụ đã được bầu.

3. Việc chuẩn y Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam do Ban Chấp hành Trung ương Hội LHPN Việt Nam ra quyết định.

Chương VII

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, VI PHẠM QUY CHẾ BẦU CỬ

Điều 19. Thẩm quyền, thủ tục giải quyết khiếu nại, vi phạm quy chế bầu cử

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày bế mạc đại hội, nếu có đơn thư khiếu nại về bầu cử thì Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ cấp trực tiếp có trách nhiệm kiểm tra và báo cáo Ban Chấp hành cùng cấp quyết định.

2. Nếu phát hiện có vi phạm về nguyên tắc, thủ tục bầu cử thì Ban Thường vụ báo cáo Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ cấp trên trực tiếp. Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ cấp trên trực tiếp xem xét, nếu có vi phạm thì tùy mức độ mà xử lý, bãi bỏ kết quả bầu cử nếu có đủ căn cứ khẳng định có vi phạm.

3. Đơn thư tố cáo tư cách đại biểu phải gửi đến Ban Chấp hành cấp triệu tập đại hội trước ngày khai mạc đại hội: đối với cấp cơ sở là 10 ngày làm việc, đối với cấp trên cơ sở là 15 ngày làm việc. Nếu thông tin cung cấp không có chứng cứ vi phạm cụ thể, Ban Chấp hành cấp triệu tập có quyền chuyển cho Ban Chấp hành khóa mới xem xét, giải quyết.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Điều khoản thi hành

Quy chế này được phổ biến đến toàn thể cán bộ, hội viên trong hệ thống Hội. Các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ. Quy chế này thay thế Quy chế đã ban hành kèm theo Quyết định số 165/QĐ-ĐCT của Đoàn Chủ tịch ngày 01 tháng 04 năm 2016.